**MỤC TIÊU KHỐI LÁ NĂM HỌC 2022-2023**

**1.Phát triển thể chất:**

MT 1:Trẻ trai: cân nặng từ 16,0 – 26,6kg; chiều cao từ 106,4 – 125,8cm

MT 2:Trẻ gái: cân nặng từ 15,0 – 26,2kg; chiều cao từ 104,8 – 124,5cm

MT 3: Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc

MT 4: Kiểm soát được vận động

MT 5: Bật xa tối thiểu 50cm; (cs 1)

MT 6: Nhảy xuống từ độ cao 40 cm; (cs 2)

MT 7: Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4 m; (cs 3)

MT 8: Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất. (cs 4)

MT 9: Tự mặc và cởi được áo; (cs5)

MT 10: Chuyền bóng qua đầu qua chân

MT 11: Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết

MT 12: Bật tách chân, khép chân qua 7 ô

MT 13 : Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu; (cs 9)

MT 14 : Đập và bắt được bóng bằng 2 tay; (cs 10)

MT 15: Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m). (cs 11)

MT 16: Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây; (cs 12)

MT 17: Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian; (cs 13)

MT 18: Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút. (cs 14)

MT 19: Có khả năng phối hợp các giác quan vận động và vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian khi vận động như: Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh; đi theo đường dích dắc không bị chạm mốc; ném trúng đích

MT 20: Bò vòng qua 5-6 điểm ziczac cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu

MT 21: Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn; (cs 15)

MT 22: Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày; (cs 16)

MT 23: Che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp; (cs 17)

MT 24: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng; (cs 18)

MT 25: Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày; (cs 19)

MT 26: Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe. (cs 20)

MT 27: Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm; (cs 21)

MT 28: Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm; (cs 22)

MT 29: Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm; (cs 23)

MT 30: Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép; (cs 24)

MT 31: Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm; (cs 25)

MT 32: Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc. (cs 26)

MT 33: Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh

MT 34: Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm

MT 35: Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống

MT 36: Có một số thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh

MT 37: sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo

MT 38: làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống

MT 39: Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa

MT 40: Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm

**2/Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội:**

MT 41: Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình; (cs 27)

MT 42: Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân; (cs 28)

MT 43: Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân; (cs 29)

MT 44: Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân***.*** (cs 30)

MT 45: Diễn đạt được mong muốn, nhu cầu bằng nhiều loại câu

MT 46: Biết mình là con, cháu, anh, chị, em trong gia đình

MT 47: Hiểu được một số từ trái nghĩa

MT 48: Cố gắng thực hiện công việc đến cùng; (cs 31)

MT 49: Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc; (cs 32)

MT 50: Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày; (cs 33)

MT 51: Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. (cs34)

MT 52: Nói được tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi ,trò chuyện

MT 53: Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời nói, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)

MT 54: Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác; (cs 35)

MT 55: Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt; (cs 36)

MT 56: Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè; (cs 37)

MT 57: Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp; (cs 38)

MT 58: Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc; (cs 39)

MT 59: Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh;(cs40)

MT 60: Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.(cs 41)

MT 61: Có hành vi, thái độ thể hiện sự quan tâm đến những người gần gũi

MT 62: Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi; (cs 42)

MT 63: Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi; (cs 43)

MT 64: Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi; (cs 44)

MT 65: Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn; (cs 45)

MT 66: Có nhóm bạn chơi thường xuyên; (cs 46)

MT 67: Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (cs 47)

MT 68: Lắng nghe ý kiến của người khác; (cs 48)

MT 69: Trao đổi ý kiến của mình với các bạn; (cs 49)

MT 70: Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè; (cs 50)

MT 71: Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn; (cs 51)

MT 72: Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. (cs 52)

MT 73: Thực hiện một số qui định trong gia đình, trường lớp mầm non, nơi công cộng

MT 74: Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác; (cs 53)

MT 75: Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn; (cs 54)

MT 76: Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết; (cs 55)

MT 77: Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường; (cs 56)

MT 78: Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày. (cs 57)

MT 79: Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân; (cs58)

MT 80: Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình; (cs 59)

MT 81: Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn. (cs 60)

MT 82: Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.

MT 83: Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh di tích lịch sử của quê hương đất nước

MT 84: Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung

MT 85: Bỏ rác đúng nơi quy định

MT 86: Không bẻ cành, bứt hoa

MT 87: Không để nước tràn khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng

MT 88: Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác

MT 89: Trẻ biết tên, ngày, tháng trải nghiệm, sáng tạo cùng sự kiện

MT 90: trẻ tự tin giao tiếp cùng các bạn trong lớp, trong khóa, trong trường.

MT 91: Trẻ thích chăm sóc cây xanh góc tự nhiên

MT 92: Cố gắng tự hoàn thành được công việc được giao

**3. Phát triển ngôn ngữ:**

MT 93: Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi; (cs 61)

MT 94: Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động; (cs 62)

MT 95: Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi; (cs 63)

MT 96: Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. (cs 64)

MT 97: Thích tìm hiểu và biết bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống, các tác phẩm nghệ thuật

MT 98: Nói rõ ràng; (cs 65)

MT 99: Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày; (cs 66)

MT 100: Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp; (cs 67)

MT 101: Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân; (cs 68)

MT 102: Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động; (cs 69)

MT 103 :Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được; (cs 70)

MT 104: Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định; (cs 71)

MT 105: Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện. (cs 72)

MT 106: Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp; (cs 73)

MT 107: Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp; (cs 74)

MT 108: Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện; (cs 75)

MT 109: Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói; (cs 76)

MT 110: Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống; (cs 77)

MT 111: Không nói tục, chửi bậy. (cs 78)

MT 112: Diễn đạt được mong muốn, nhu cầu và suy nghĩ bằng nhiều loại câu

MT 113: Mạnh dạn, tự tin, chủ động trong giao tiếp

MT 114: Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh; (cs 79)

MT 115: Thể hiện sự thích thú với sách; (cs 80)

MT 116: Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách. (cs 81)

MT 117: Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống; (cs 82)

MT 118: Có một số hành vi như người đọc sách; (cs 83)

MT 119: “Đọc” theo truyện tranh đã biết; (cs 84)

MT 120: Biết kể chuyện theo tranh**.** (cs 85)

MT 121: Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói; (cs 86)

MT 122: Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân; (cs 87)

MT 123: Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái; (cs 88)

MT 124: Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình; (cs 89)

MT 125: Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới; (cs 90)

MT 126: Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt. (cs 91)

MT 127: Tham gia có sáng tạo các hoạt động ngôn ngữ, kể chuyện, đọc thơ, đóng kịch

MT 128: Nhận dạng các chữ cái và phát âm được các âm đó

MT 129: Đọc và sao chép được một số ký hiệu

MT 130: Đóng được các vai của các nhân vật trong truyện

MT 131: Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách

MT 132: Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại

**4/ Phát triển nhận thức:**

MT 133: Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung; (cs 92)

MT 134: Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên; (cs 93)

MT 135 : Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống; (cs 94)

MT 136: Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (cs 95)

MT 137: Phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng; (cs 96)

MT 138 : Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống; (cs 97)

MT 139: Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống(cs 98).

MT 140: Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10; (cs 104)

MT 141: Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm; (cs 105)

MT 142: Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. (cs 106)

MT 143: Chỉ ra được khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu; (cs 107)

MT 144: Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác. (cs 108)

MT 145: Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự; (cs 109)

MT 146: Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày; (cs 110)

MT 147: Nói được ngày trên lốc lịch và giờ trên đồng hồ. (cs 111)

MT 148: Hay đặt câu hỏi; (cs 112)

MT 149: Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. (cs 113)

MT 150: Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày; (cs 114)

MT 151: Loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại; (cs 115)

MT 152: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc. (cs 116)

MT 153: Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình; (cs 118)

MT 154: Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau; (cs 119)

MT 155: tò mò tìm tòi khám phá các hiện tượng sự vật hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật hiện tượng

MT 156: làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát so sánh dự đoán nhận xét và thảo luận

MT 157: thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau như xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận

MT 158: quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi

MT 159: sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp

MT 160: sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả

MT 161: gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và hai khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật

MT 162: kể lại được câu chuyện quen thuộc theo các cách khác nhau (cs120)

MT 163: So sánh sự giống và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng

MT 164: Đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2-3 dấu hiệu

MT 165: So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.

MT 166: Biết được ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của đứa trẻ trong gia đình

MT 167: Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non, công việc của các cô, bác trong trường.

MT 168: Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.

MT 169: Tên gọi, công cụ sản phẩm các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến.

**5/ Phát triển thẩm mỹ.**

MT 170: : Tô màu kín không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ (cs6)

MT 171:Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản (cs7)

MT 172: Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn (cs8)

MT 173: Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)

MT 174: Phối hợp và lựa chọn các nguyên liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm

MT 175: Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối

MT 176: Phối hợp các kỹ năng cắt để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa cân đối

MT 177: Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối

MT 178: Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc hài hòa bố cục cân đối

MT 179: Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích

MT 180: Gõ đệm bằng các dụng cụ theo tiết tấu tự chọn

MT 181: Trẻ có khả năng giao lưu văn nghệ

MT 182: Trẻ biết giữ gìn sản phẩm của mình và của bạn

MT 183: Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc; (cs 99)

MT 184: Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em; (cs 100)

MT 185: Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc; (cs 101)

MT 186: Biết sử dụng vật liệu khác nhau để làm một số sản phẩm đơn giản (cs102)

MT 187: Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình (cs103)

MT 188: Nhận xét được các sản phẩm tạo hình của mình và của bạn về màu sắc, hình dáng ,bố cục

MT 189: Đặt tên cho sản phẩm tạo hình

MT 190: Phối hợp các kỹ năng xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa cân đối

MT 191: Trẻ bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng xung quanh và các tác phẩm nghệ thuật.

MT 192: Hào hứng tham gia và yêu thích các hoạt động nghệ thuật

MT 193: Biết giữ gìn, bảo vệ các sản phẩm tạo hình

MT 194: Thích một số trò chơi dân gian và nghe các bản nhạc bài hát dân ca

MT 195: Biết sử dụng các từ nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng

MT 196: Biết hát các bài hát trong các chủ đề theo yêu cầu của cô

MT 197: Trẻ biết bàn bạc để nêu lên ý định chung khi tạo ra sản phẩm tập thể

MT 198: Trẻ có một số hiểu biết đơn giản về đường trang trí và có thể tạo nên một vài đường trang trí đơn giản

MT 199: Chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát vỗ tay nhún nhảy lắc lư) theo bài hát bản nhạc

MT 200: Biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp tiết tấu (nhanh, chậm…)

MT 201:Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu của các sự vật hiện tượng

MT 202: Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp, theo bài hát bản nhạc)

MT 203: Thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục của các tác phẩm tạo hình)

MT 204: Biết miêu tả những ấn tượng và cảm xúc của mình khi vẽ theo đề tài yêu thích

MT 205: Biết sử dụng các loại nguyên liệu khác nhau để vẽ và tô màu như: bút chì, bút dạ, bút sáp, bút lông hoặc màu nước

MT 206: Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát (cs 117)